
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II - NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý II - 2022	Quý II - 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		646.622.132.321	390.309.250.448	860.464.478.922	885.665.786.772
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(647.753.673.733)	(358.616.598.905)	(863.230.804.826)	(814.801.794.078)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.902.815.531)	(5.619.387.055)	(16.401.076.272)	(12.089.346.169)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(454.652.260)	(334.564.331)	(871.023.219)	(1.156.460.047)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(571.251.382)	(955.038.057)	(1.294.400.442)	(1.559.267.110)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		66.342.592.637	38.469.477.453	88.409.108.600	87.494.659.848
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(49.253.109.692)	(37.601.605.590)	(59.486.133.868)	(80.657.321.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.029.222.360	25.651.533.963	7.590.148.895	62.896.257.353
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.611.989.655)	(4.961.689.874)	(10.128.082.889)	(4.964.409.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	(9.090.909)	0	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(67.256.654.205)	(70.000.000.000)	(77.406.654.205)	(73.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.479.054.795	57.918.723.239	72.647.841.096	68.645.956.142
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.604.395.255	5.087.019.023	11.963.882.280	10.425.692.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.214.806.190	(11.965.038.521)	(2.923.013.718)	1.198.148.876
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		227.500.000.000	71.377.000.000	383.888.400.000	187.292.798.485
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(230.988.400.000)	(86.657.700.000)	(379.588.400.000)	(237.796.767.981)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.243.924.735)	(8.770.000.000)	(6.532.674.735)	(12.070.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.732.324.735)	(24.050.700.000)	(2.232.674.735)	(62.573.969.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.511.703.815	(10.364.204.558)	2.434.460.442	1.520.436.733
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.289.551.543	19.788.548.232	9.366.794.916	7.903.906.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		11.801.255.358	9.424.343.674	11.801.255.358	9.424.343.674

Người lập biểu

LÂM NGỌC THÙY ĐAN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Ngày 28 tháng 07 năm 2022
Tăng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN
H. HÓC MÔN TP. HỒ CHÍ MINH
LÊ VĂN MỸ